

DẠNG THỂ CỦA THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT TRONG HÀNH CHỨC

Cao Xuân Hải¹

TÓM TẮT

Thành ngữ là một cụm từ hay ngữ cố định có tính chất nguyên khối về ngữ nghĩa, tạo thành một chỉnh thể định danh có ý nghĩa chung khác với tổng số ý nghĩa của các thành tố cấu thành nó. Đặc tính nổi bật của thành ngữ là tính chặt chẽ, cố định về hình thức. Tuy nhiên, khi đi vào giao tiếp thì hầu hết các đơn vị thành ngữ tiếng Việt đều có khả năng biến đổi ít nhiều về mặt hình thức cũng như ngữ nghĩa để tạo ra giá trị biểu trưng mới. Bài viết chỉ ra 7 dạng cơ bản trong hành chức của thành ngữ đó là: dạng nguyên thể, dạng tỉnh lược, dạng khai triển, dạng hoán đổi, dạng chêm xen, dạng biến tố, dạng mô hình hóa; góp phần giúp người đọc thấy được nhiều điều về thành ngữ Việt Nam trong thể năng động của sự vận dụng sáng tạo.

Từ khóa: *Biến đổi, dạng thể, hành chức, mô hình hóa, thành ngữ, thành tố.*

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.77.06.2025.779>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thành ngữ là một “cụm từ hay ngữ cố định có tính chất nguyên khối về ngữ nghĩa, tạo thành một chỉnh thể định danh có ý nghĩa chung khác tổng số ý nghĩa của các thành tố cấu thành nó, tức là không có nghĩa đen và hoạt động như một từ riêng biệt ở trong câu” [6; tr.271]. Một trong những đặc tính nổi bật của thành ngữ là tính chặt chẽ, cố định về hình thức. Tuy nhiên, thực tế khi giao tiếp hầu hết các đơn vị thành ngữ tiếng Việt đều có khả năng biến đổi ít nhiều về mặt dạng thể cũng như ngữ nghĩa. Bằng con đường hành chức, các thành tố vốn chặt chẽ của thành ngữ có được những kết hợp mới và tạo ra một giá trị biểu trưng mới. Bài viết tìm hiểu các dạng thể tồn tại của thành ngữ trong hành chức. Nguồn ngữ liệu là các thành ngữ được các nhà văn sử dụng trong các lời thoại nhân vật ở các truyện ngắn và tiểu thuyết được tác giả Đỗ Thị Kim Liên và các cộng sự tập hợp trong cuốn: “Từ điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam trong hành chức” [5].

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, bài viết này sử dụng các phương pháp sau:

2.1. Phương pháp thống kê, phân loại

Phương pháp thống kê, phân loại được sử dụng để nhận diện sự tồn tại của các đơn vị thành ngữ tiếng Việt trong các ngữ cảnh giao tiếp.

2.2. Phương pháp miêu tả, phân tích

Phương pháp miêu tả, phân tích được sử dụng để tiến hành miêu tả, phân tích các dạng thể thành ngữ tồn tại trong các tình huống cụ thể được các nhà văn sử dụng trong lời thoại của các nhân vật, từ đó làm cơ sở cho việc khái quát những luận điểm với những cứ liệu kèm theo.

¹ Trường TH, THCS&THPT Hồng Đức; Email: caoxuanhaixh@hdu.edu.vn

2.3. Phương pháp so sánh, đối chiếu

Phương pháp so sánh, đối chiếu được sử dụng để so sánh, đối chiếu các dạng thể của thành ngữ trong các ngữ cảnh giao tiếp với thành ngữ gốc.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát kết quả khảo sát

Khảo sát 486 thành ngữ trong lời thoại của các nhân vật ở những ngữ cảnh giao tiếp khác nhau, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Loại dạng thể \ Ví dụ và số lượng		Ví dụ	Số lượng	Tổng số
Nguyên thể		(hằng/hàng hà sa số) “- Loại rắn ri voi, <i>hàng hà sa số</i> .” [3; tr.317].	376	376
Biến thể	Dạng tỉnh lược	(nghiêng nước nghiêng thành) “ <i>Tất nhiên cô là người nghiêng nước...</i> ” [3; tr.493].	04	110
	Dạng khai triển	(đũa mốc chùi mâm son) “- <i>Đũa mốc dám chùi mâm son à?</i> ” [3; tr.269].	12	
	Dạng hoán đổi	(nằm gai nếm mật) “- ... mười năm <i>nằm mật nằm gai</i> trả hận nước thù nhà...” [3; tr.482].	18	
	Dạng chêm xen	(gan cóc tía) “- ... vợ bộ đội <i>gan như gan cóc tía</i> .” [3; tr.287].	09	
	Dạng biến tố	(ghen ăn tức ở) “- Chả thể mà ngày ông mới lấy vợ, những kẻ <i>ghen ăn ghét ở</i> đã xui trẻ con hát đồ nhau.” [3; tr.293].	16	
	Dạng mô hình hóa	(đâm lao phải theo lao) “- <i>Đã đâm lao thì phải theo lao</i> cho trót, Tường nhảy từ trên cửa sổ xuống, đang hoảng bước vào cửa chính.” [3, tr. 221].	41	

Nhận xét: Trong tổng số 486 thành ngữ thì có đến 376 thành ngữ được sử dụng ở dạng nguyên thể, còn lại 110 thành ngữ tồn tại ở dạng biến thể (trong đối sánh với dạng nguyên thể). Trong đó có nhiều đơn vị thành ngữ được dùng ở dạng nguyên thể lại là dị bản của nhau.

Trong số 110 thành ngữ tồn tại ở dạng biến thể thì cách tồn tại của chúng ở mỗi ngữ cảnh giao tiếp khác nhau là không giống nhau. Tuy nhiên, sự biến đổi của chúng luôn tuân theo những quy luật nhất định.

3.2. Một số dạng thể của thành ngữ trong hành chức

3.2.1. Dạng nguyên thể

Đây là dạng thể mà khi đi vào giao tiếp, thành ngữ được giữ nguyên hình thức ban đầu. Dạng thể này chiếm tỉ lệ rất cao 376/486 thành ngữ với rất nhiều ngữ cảnh, chiếm 77,36%. Tuy nhiên, có rất nhiều đơn vị thành ngữ được dùng ở dạng nguyên thể trong các ngữ cảnh khác nhau lại chính là dị bản của nhau. Do vậy, xét ở mức độ nào đó vẫn có thể xem chúng là những dạng biến thể. Chẳng hạn: *hàng/hàng hà sa số*, *tu nhân/nhơn tích đức*, *ôm rơm nhậm/rậm bụng*; *tam sao thất bản/bổn*; *ba mặt một lời/nhời*; *bôi tro/do trát trấu/giấu...*

(1) “- Biện Tổng cười giòn:

- Loại rắn ri voi, *hàng hà sa số*. Nó lội dưới sông rạch, trong rừng vào tháng ngập nước như vậy” [3; tr.317].

(2) “- Con lạy chín phương trời, mười phương đất! Chư phật mười phương, mười phương chư phật! Ngũ phương ngũ phật, thập phương thập phật! *Hàng hà sa số* Đức phật công đức, công lượng vô biên!” [3; tr.319].

(3) “- Đến các cha cố còn chịu thà mang tiếng là phá giới chứ các người là bậc *tu nhân tích đức* có bao giờ chịu khuyên nhân tình phá thai để mang tội ác giết con đâu?” [3; tr.760].

(4) “- Mấy năm nay mình *tu nhân tích đức*, mình tự nguyện cứu khổ phò nguy, nếu mình để cho mình bị án thì mình làm điều đại bất nhân” [3; tr.761].

(5) “- Ông Biện dươn to đôi mắt đỏ kè ngó ra cửa và hồ hởi nói: “Chào các nhạc sĩ! Vào đây!... Thế mà tớ không biết. Khá thật! *Ba mặt một lời*, báo cáo rõ ràng xem nào” [3; tr. 38].

(6) “- Đúng là ông cụ muốn *ba mặt một nhời*, đòi nợ con Mận đây. Hai mẹ con không biết phải làm gì, nói gì” [3; tr.38].

Thành ngữ là một đơn vị tồn tại bằng ngữ cảnh, chỉ trong ngữ cảnh thành ngữ mới thể hiện được dạng thể tồn tại và phát huy giá trị thẩm mỹ của nó. Sự thay đổi hình thức của thành ngữ trong hành chức ở dạng này phần lớn do theo thói quen phát âm hoặc sự lựa chọn yếu tố ngôn ngữ quen thuộc nên dẫn đến tình trạng thành ngữ được sử dụng có sự khác biệt so với thành ngữ gốc ban đầu.

3.2.2. Dạng tỉnh lược

Dạng tỉnh lược là dạng các thành ngữ tồn tại dưới hình thức rút gọn trong các ngữ cảnh giao tiếp so với thành ngữ gốc. Đây cũng là một dạng rất đặc trưng của thành ngữ trong giao tiếp. Trong giao tiếp hình thức của thành ngữ vừa chịu sự chi phối của thành ngữ gốc vừa chịu sự chi phối của tri năng ngôn ngữ của người nói. Theo đó, các thành ngữ có thể được người nói bớt đi một hoặc một số yếu tố để làm sao cho phù hợp với ngữ cảnh và đạt mục đích giao tiếp theo ý đồ đặt ra. Chẳng hạn các thành ngữ: *nghiêng nước nghiêng thành*; *thất đức lung ong*; *dao năng mài năng sắc*, *người năng chào năng quen*; *nâng khăn sửa túi...*

(7) “- Tất nhiên cô là người *nghiêng nước*... nổi lên trước hàng trăm, hàng nghìn cô gái khác. Giá năm tháng qua đi, cô chịu tàn phai đi một chút thì hạnh phúc gia đình chắc chắn sẽ được yên ổn hơn rất nhiều. Đôi mắt sòng sánh của cô bất kể lúc nào cũng có thể thành đồng bão, làm chao lắt những gã đàn ông si tình như những chiếc thuyền nan lênh đênh chìm nổi giữa khơi xa mù mịt.” [3; tr. 493].

Trong ví dụ trên người nói đã sử dụng thành ngữ *nghiêng nước nghiêng thành* với nghĩa là có vẻ đẹp tuyệt vời với sức lôi cuốn kì diệu. Ở đây, người nói chỉ sử dụng về đầu của câu thành ngữ. Xét về mặt hình thức thì câu thành ngữ *nghiêng nước nghiêng thành* được tỉnh lược bớt về sau, trong ngữ cảnh này thành ngữ *nghiêng nước nghiêng thành* được sử dụng với một hình thức hoàn toàn mới ngắn gọn hơn nhưng ý nghĩa thì không bị thay đổi.

(8) “- Cái thân thể *thắt lưng ong* tuyệt bích của người yêu mà mỗi khi có dịp nựng, Đông say mê long lanh từng ánh mắt. Anh ngây ngất trong hương lửa và u mê với từng nhịp điệu. Nghe Như ngất xỉu, Đông ập đến, đưa nàng trở lại bệnh viện.” [3; tr. XLIII].

Trong ví dụ trên thành ngữ *thắt đáy lưng ong* được sử dụng với nghĩa: thân thể người phụ nữ thon người và ăn mặc gọn gàng, lưng thắt lại giống con ong. Nhưng về mặt hình thức thì thành ngữ *thắt đáy lưng ong* được người nói tỉnh lược đi yếu tố *đáy*.

(9) “- Kinh nghiệm đấu tranh tư tưởng của Dương trải qua những thực tiễn ấy khác nào *dao càn mài càn sắc*” [3; tr.194].

Ở ví dụ trên, người nói đã sử dụng thành ngữ *dao nắn mài nắn sắc, người nắn chào thời quen*. Tuy nhiên để phù hợp với việc diễn tả kinh nghiệm đấu tranh tư tưởng, người nói đã thay chữ *nắn* bằng chữ *càn* và chỉ sử dụng về đầu của thành ngữ là *dao càn mài càn sắc* với ý nghĩa: con người càng được tôi luyện trong mọi hoàn cảnh thì năng lực, trình độ càng được nâng cao, ý chí càng vững vàng.

Nhìn chung, thành ngữ trong giao tiếp hàng ngày ở dạng thể tỉnh lược ít được sử dụng. Để sử dụng dưới dạng tỉnh lược, người nói đòi hỏi phải có những tri thức và khả năng ứng xử ngôn ngữ rất linh hoạt để người đọc và người nghe vẫn dễ dàng nhận ra thành ngữ nào được sử dụng. Mặt khác, thành ngữ tồn tại ở dạng tỉnh lược trong các ngữ cảnh giao tiếp không bị ảnh hưởng của yếu tố thể loại chính vì vậy người nói của xu hướng ít sử dụng thành ngữ ở dạng này, chỉ trong những ngữ cảnh cần có sự tế nhị hoặc người nói muốn che giấu một ý đồ nào đó thì chúng mới được sử dụng tới.

3.2.3. Dạng khai triển

Dạng khai triển là dạng mà các yếu tố trong thành ngữ gốc được khai triển bằng cách ghép thêm những yếu tố phụ hoặc được thay bằng các yếu tố tương đương, thậm chí có những ngữ cảnh thành ngữ gốc chỉ có giá trị liên hệ ngữ nghĩa còn hình thức của nó đã được thay đổi hoàn toàn bằng một tổ hợp mới. Dạng khai triển của thành ngữ trong giao tiếp là một dạng biến thể hình thức tự do và mang tính lâm thời. Có thể xem nó như là những tổ hợp từ tự do theo kiểu diễn xuôi các đơn vị thành ngữ tiếng Việt trong các ngữ cảnh giao tiếp.

(10) “- Rồi như chẳng để ai kịp phòng bị, một giọng nữ trung chua ngoa xóc mới đã lách lút:

- Cha năm đời mười đời cái con đĩ, bà đâu có ngờ nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà. Mày đang bơ vơ đói khát, mặt búng da chì ở đội thanh niên xung phong. Bà đến, bà thấy mày cũng mông mày hay hạt, bà mới thương lấy mày về xí nghiệp. Lẽ ra mày phải cưa tày vát nhọn chứ. Ai ngờ mày vừa ra khỏi lỗ đã vỗ vế liền. À, thì ra bà cho mày đi nước ngoài học mày không đi là mày có âm mưu. Âm mưu gì thì có chém tre mày cũng phải đè đầu mặt chứ! *Làm đĩ mười phương cũng phải để một phương lấy chồng* chứ! Bà phải triệt thủ, triệt vĩ mày cái con đĩ kia!” [3; tr.368].

Thành ngữ *làm đĩ mười phương, trừ phương lấy chồng* có nghĩa là làm người trong hoàn cảnh nào cũng phải biết giữ gìn nhân phẩm dù là tối thiểu nhất chứ không nên đánh mất tất cả. Trong ngữ cảnh trên, nó được sử dụng theo kiểu diễn xuôi các quan hệ ngữ nghĩa của thành ngữ gốc: *Làm đĩ mười phương cũng phải để một phương lấy chồng*. Rõ ràng thành ngữ được sử dụng trong ngữ cảnh trên có mối liên hệ ngữ nghĩa mật thiết với thành ngữ gốc: *Làm đĩ mười phương, trừ một phương lấy chồng*.

Qua khảo sát tư liệu, chúng tôi nhận thấy, thành ngữ dạng này được sử dụng như sau:

(11) “- À, cái thằng phó Hạ nó lão! Nó hôn! *Đũa mốc dám chòi mâm son* à?” [3; tr. 269].

Thành ngữ *đũa mốc chòi mâm son* có nghĩa là kẻ ở địa vị thấp lại mong lấy con nhà giàu sang quyền quý hoặc mong được hưởng bổng lộc dành cho người có quyền thế. Trong trường hợp này thành ngữ gốc *đũa mốc chòi mâm son* được thêm từ *dám* vào giữa câu thành ngữ làm tăng thêm tính chất mỉa mai của người nói.

(12) “- Kính đứng lên:

- Nhưng mà thế gian này còn có luật tương ứng các cậu ạ. *Đũa mốc không thể chòi mâm son* được. Lão Diệc táo tợn nhưng chỉ dám xách dép cho Nhiêm thôi.” [3, tr. 269].

Trong ví dụ này, thành ngữ *đũa mốc chòi mâm son* đã được khai triển thành: *đũa mốc không thể chòi mâm son* - cụm từ *không thể* vào giữa câu thành ngữ. Sự khai triển này đã làm cho thành ngữ bị phá vỡ hình thức vốn có tính tương đối chặt chẽ với tư cách là một đơn vị từ vựng.

Nhìn chung, dạng này chỉ có giá trị lâm thời trong một ngữ cảnh nhất định. Nó rất khó lặp lại trong một ngữ cảnh khác. Một thành ngữ gốc có thể tồn tại nhiều dạng khai triển khác nhau ở các ngữ cảnh khác nhau nhưng rất khó có một dạng khai triển lại được dùng cho nhiều ngữ cảnh khác nhau.

3.2.4. Dạng hoán đổi

Dạng hoán đổi là dạng mà các yếu tố của thành ngữ gốc được hoán đổi vị trí cho nhau khi đi vào ngữ cảnh giao tiếp. Đây là hiện tượng hoán đổi vị trí giữa hai thành tố trong câu thành ngữ cho nhau mà không làm thay đổi ý nghĩa của thành ngữ gốc.

(13) “- Nhưng Hàm chỉ thấy mình bị khinh khi bị thua thiệt, bị là người đi sau *đổ vó cho kẻ ăn ốc*.” [3, tr. 258].

Câu thành ngữ ngữ *kẻ ăn ốc, người đổ vó* có nghĩa là: người này thì hưởng lợi, kẻ đi sau thì phải gánh chịu thua thiệt. Khi đi vào ngữ cảnh giao tiếp trong ví dụ trên, nó được chuyển thành một thành ngữ mới là: *đổ vó cho kẻ ăn ốc*. Ở đây về sau chuyển đổi lên về đầu và ngược lại. Với thành ngữ lâm thời, hình thức của nó đã thay đổi so với thành ngữ gốc nhưng ý nghĩa của nó hoàn toàn không thay đổi.

(14) “- Thừa sự phụ, như vậy phải chăng nhà vua đang phụ lòng quân sĩ, mười năm *ném mật nằm gai* trả hận nước thù nhà, xương nghĩa sĩ đã thành núi bên sông vô định, máu dân lành trải khắp làng mạc phổ phường, cuối cùng lại để cho nghịch lỗ nghênh ngang về nước.” [3; tr.482].

Thành ngữ *nằm gai ném mật* là thành ngữ gốc, thành ngữ này trong ví dụ trên đã được người nói hoán đổi vị trí của hai vế và nó lâm thời thành một thành ngữ mới là *ném mật nằm gai*. Ở đây vị trí hai vế đã hoán đổi cho nhau. Thành ngữ mới này không hoàn toàn làm thay đổi ý nghĩa của thành ngữ gốc.

Tóm lại, dạng hoán đổi của thành ngữ trong hành chức là dạng mà giữa các vế, các yếu tố hoán đổi vị trí cho nhau khi đi vào các ngữ cảnh giao tiếp. Sự hoán đổi vị trí các vế của thành ngữ với những cách thức hoán đổi cơ bản nêu trên đã làm nên một đặc trưng hình thức quan trọng của thành ngữ trong giao tiếp.

3.2.5. Dạng chêm xen

Dạng chêm xen là đặc điểm chung của thành ngữ khi hành chức. Tuy nhiên, trong giao tiếp thì đây là dạng biến hình mang tính đặc thù. Trong các ngữ cảnh giao tiếp, thành ngữ được người nói chêm xen thêm một vài yếu tố vào trong dạng thể nội tại của thành ngữ. Dạng thay đổi này gọi là dạng chêm xen của thành ngữ trong giao tiếp. Khác với dạng khai triển, các yếu tố được tự do gia nhập vào dạng thể nguyên thể của thành ngữ thì ở đây, tất cả các yếu tố gốc được giữ nguyên vị trí và chỉ ở vị trí nào có thể chêm xen được mà không làm ảnh hưởng đến các mối quan hệ vốn có của dạng nguyên thể thì yếu tố chêm xen mới được chấp nhận.

Thành ngữ *gan cóc tía* khi đi vào ngữ cảnh giao tiếp dạng thể của nó được chêm xen bởi yếu tố *như gan* vào giữa dạng thể thành ngữ. Cụ thể như sau:

(15) “- Ôi dào! Có ai được như chị: vợ bộ đội *gan như gan cóc tía*. Rồi có bữa nó đến, không kịp quàng chân lên cổ đâu.” [3; tr. 287].

Thành ngữ *gấp lửa bỏ tay người* khi đi vào giao tiếp được chêm xen với các yếu tố *ta, khác* vào cuối dạng thể của câu thành ngữ. Cụ thể như sau:

(16) “- Anh Hiếu còn vợ thì phải bỏ mẹ. Tôi không thể mẹ con với người vu oan giá họa, *gấp lửa bỏ tay người khác* được.” [3; tr. 289].

(17) “- Lão Bạng toàn khuất phục người ta bằng cách đánh vào cái tính cả sợ của con người ta, vốn là một cái điểm yếu thâm căn cố đế của mỗi con người bình thường sống và làm ăn ở trên đời. *Gấp lửa bỏ tay người ta*. Vu khống, dọa dẫm khiến người ta sợ phát són đái ra, từ đó mà khuất phục mua chuộc.” [3; tr. 289].

Nhìn chung, tất cả mọi sự chêm xen vào hình thức của thành ngữ trong các ngữ cảnh giao tiếp đều nhằm mục đích cụ thể hoá các mối quan hệ ngữ nghĩa của thành ngữ sao cho phù hợp với ngữ nghĩa của thành ngữ trong ngữ cảnh. Quan trọng hơn sự chêm xen đó là nhằm mục đích sao cho phù hợp với hình thức của lời nói và đạt mục đích, ý đồ giao tiếp của người nói. Trên thực tế, tất cả các mối quan hệ ngữ nghĩa của thành ngữ được cụ thể hoá bằng cách chêm xen đều đã có sẵn trong cấu trúc ngữ nghĩa của thành ngữ. Nên trong nhiều trường hợp, sự chêm xen vào hình thức của thành ngữ chủ yếu nhằm vào mục đích diễn đạt ý định của người nói cho phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh.

3.2.6. Dạng biến tổ

Dạng thể biến tổ là dạng mà một số yếu tố trong cấu trúc nguyên dạng của thành ngữ gốc được lâm thời thay thế bằng các yếu tố mới có giá trị tương đương trong ngữ cảnh giao tiếp mới. Giống như dạng hoán đổi, dạng biến tổ cũng tuân theo những cơ chế nhất định và về cơ bản nó vẫn giữ được tính chỉnh thể của thành ngữ. Thậm chí có thể xem đó là những phiên bản khác nhau của cùng một thành ngữ. Chẳng hạn, thành ngữ nguyên thể *ghen ăn tức ở* có dạng thể biến tổ như sau:

- Ngữ cảnh 1:

(18) “- Sau cái vụ lòng thông với Hoa gây dư luận ầm ĩ, ông Thắng tự thấy mình thật ngu xuẩn. Suýt nữa mất hết. Bao nhiêu kẻ *ghen ăn tức ở*, kẻ cả ngồi lê đôi mách khiến câu chuyện loang ra khắp Hải Triều và cả Hà Nội.” [3; tr.294].

- Ngữ cảnh 2:

(19) “- Chả thế mà ngày ông mới lấy vợ, những kẻ *ghen ăn ghét ở* đã xui trẻ con hát đồ nhau.” [3; tr.293].

- Ngữ cảnh 3:

(20) “- Không biết các anh chị bị ai bỏ bùa mê thuốc lú hay *ghen ăn tức uống* chi mà cứ thất buộc những người giương cờ cộng sản từ hồi “ba mươi” như bố anh là “Quốc dân phản động”?” [3; tr.294].

Ta thấy thành ngữ *ghen ăn tức ở* ngoài dạng nguyên thể (ngữ cảnh 1), còn tồn tại hai dạng biến tổ khác nhau là *ghen ăn ghét ở* (ngữ cảnh 2) và *ghen ăn tức uống* (ngữ cảnh 3). Ở đây, các yếu tố *tức* và *ghét, ở* và *uống* đều là những cặp động từ có chung một nét nghĩa: *tức* và *ghét* là hai động chỉ trạng thái tâm lý của con người, *ở* và *uống* là hai động từ chỉ hành động của con người. Do vậy, chúng có thể thay thế cho nhau mà không hề ảnh hưởng đến hình thức chỉnh thể của thành ngữ. Đối chiếu *ghen ăn tức ở* với *ghen ăn ghét ở* và *ghen ăn tức uống* ta thấy chúng là những tổ hợp tương đương nhau cả về hình thức cũng như ngữ nghĩa. Như vậy, chúng ta có thể gọi chúng là những biến thể của nhau.

Như vậy, từ các ví dụ trên ta thấy, xét về cơ chế biến đổi thì dạng thể biến tổ hoàn toàn giống với kiểu hoán đổi xen kẽ yếu tố trong dạng thể hoán đổi của thành ngữ. Tuy nhiên, đối với dạng hoán đổi thì các yếu tố tương đồng và cố định về hình thức ngữ âm chỉ hoán đổi vị trí cho nhau. Dạng biến tổ thì yếu tố tương đồng được thay thế là một yếu tố mới. Mặt khác, ở dạng hoán đổi cơ chế biến đổi này không thể xảy ra với các thành ngữ thường và thành ngữ so sánh, còn ở dạng biến tổ cơ chế này hoàn toàn có thể áp dụng với mọi loại thành ngữ.

Nhìn chung, các dạng biến tổ của thành ngữ trong hành chức đều có thể xem là những biến thể của thành ngữ gốc. Thực tế này càng chứng tỏ thành ngữ là một đơn vị thống nhất biện chứng giữa cái bất biến và cái khả biến.

3.2.7. Dạng mô hình hóa

Dạng mô hình hoá là dạng thành ngữ được sử dụng như một mô hình và mô hình đó được nhân lên trong ngữ cảnh tạo thành những cụm từ lâm thời có tính thành ngữ.

(21) “- Không phải chỉ là chuyện *đâm lao phải theo lao*, cái động lực tìm mua khẩu súng thôi thúc Thao có bản chất là khát vọng hoàn thiện về văn hoá.” [3; tr.221].

Ta thấy trong ngữ cảnh trên, người nói đã sử dụng thành ngữ *đâm lao phải theo lao* như một mô hình dạng thể. Mô hình dạng thể này có thể khái quát như sau: A phải B (trong đó A và B là 2 vế của thành ngữ). Từ mô hình khái quát hoá này, trong các ngữ cảnh giao tiếp khác các thành ngữ có dạng thể tương tự được sử dụng khá phổ biến và rất linh hoạt. Cũng với câu thành ngữ trên (*đâm lao phải theo lao*) người nói có thể sử dụng như sau:

(22) “- *Đã đâm lao thì phải theo lao* cho trót, Tường nhảy từ trên cửa sổ xuống, đang hoảng bước vào cửa chính.” [3; tr. 221].

Trong ví dụ trên thành ngữ *đâm lao phải theo lao* được sử dụng với dạng thể mới: Đã A thì phải B.

(23) “- *Đã đâm lao thì phải theo lao*. Dù có lỗi ta cứ giữ lấy khách.” [3; tr.221].

(24) “- Ngày mới bước chân đi được ít lâu, chị Hai đã cảm mình như con Kiều mắc tay bọm già rồi. Nhưng *đâm lao đành phải theo lao*, nắn ná, tính toán. Rồi ngày lại ngày trôi qua.” [3; tr.221].

Trong các ví dụ (22), (23) thành ngữ *đâm lao phải theo lao* được sử dụng với dạng thể mới: Đã A thì phải B. Còn ví dụ (24) được người nói sử dụng với mô hình dạng thể: A đành phải B. Mỗi một mô hình dạng thể mới đều làm thời diễn tả một sắc thái tình cảm và mang một ý nghĩa mới để diễn đạt ý định của người tham gia giao tiếp.

4. KẾT LUẬN

Thành ngữ có khả năng biến đổi hình thức và ngữ nghĩa một cách linh hoạt khi đi vào hoạt động giao tiếp bằng lời trong cuộc sống hàng ngày. Khi được vận dụng trong giao tiếp thành ngữ chịu sự chi phối mạnh mẽ của tri năng ngôn ngữ và khả năng sử dụng ngôn ngữ của người nói. Theo đó, thành ngữ thường xuyên được người nói điều chỉnh hình thức nội tại sao cho phù hợp với ý đồ giao tiếp của mình.

Trong giao tiếp, thành ngữ có một số dạng thể đặc trưng như: dạng nguyên thể và dạng biến thể. Dạng biến thể có các hình thức như: dạng tỉnh lược, dạng khai triển, dạng hoán đổi, dạng chêm xen, dạng biến tổ và dạng mô hình hóa. Các dạng thể của thành ngữ trong hành chức phù hợp với đặc trưng của thành ngữ và phong cách khẩu ngữ đồng thời mang lại những nét nghĩa tình thái (nhấn mạnh, coi thường, mỉa mai...) trong các ngữ cảnh giao tiếp của người nói.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Nhã Bản (2003), *Cuộc sống của thành ngữ tục ngữ trong kho tàng ca dao người Việt*, Nxb. Nghệ An, Nghệ An.
- [2] Hoàng Văn Hành (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Đỗ Thị Kim Liên (chủ biên) (2014), *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam trong hành chức*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Đỗ Thị Kim Liên (chủ biên) (2019), *Nghiên cứu thành, ngữ tục ngữ Việt Nam dưới góc nhìn ngữ nghĩa - ngữ dụng - văn hóa*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

- [5] Phạm Xuân Thành (1993), *Cơ sở hình thành và biến đổi của thành ngữ tiếng Việt*, Tạp chí Văn hoá Dân gian, số 1, tr.38-43.
- [6] Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2002), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

FORMS OF VIETNAMESE IDIOMS IN FUNCTIONAL USE

Cao Xuan Hai

ABSTRACT

An idiom is a set phrase or expression with a unified meaning, creating a distinct entity whose significance differs from the individual meanings of its parts. The defining feature of idioms is their rigidity and fixed structure. When employed in communication, Vietnamese idioms often exhibit variations in structure and meaning, allowing them to generate new symbolic interpretations. This article examines the functional structure of idioms. We identify seven fundamental structural types related to the function of idioms: infinitive structure, ellipsis structure, expansion structure, exchange structure, insertion structure, inflectional structure, and modelling structure; helping readers recognize multiple facets of Vietnamese idioms presented in a vibrant and creative way.

Keywords: Transformation, form, functional use, modelling, idiom, element.

* Ngày nộp bài: 06/01/2025; Ngày gửi phản biện: 11/01/2025; Ngày duyệt đăng: 15/06/2025